

Số: 94/2009/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2009

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 810/V

Ngày 23 tháng 10 năm 2009

Kính chuyển:

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy (gọi tắt là quản lý sau cai nghiện), đối tượng, thẩm quyền và trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện; chế độ quản lý, chính sách hỗ trợ cho người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện (gọi tắt là người sau cai nghiện) và tổ chức, hoạt động của cơ sở quản lý sau cai nghiện.

Cơ sở quản lý sau cai nghiện ma túy trong Nghị định này được gọi là Trung tâm quản lý sau cai nghiện (gọi tắt là Trung tâm)

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trung tâm quản lý sau cai nghiện là đơn vị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) thành lập để thực hiện công tác quản lý sau cai nghiện đối với người đã hoàn thành thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc nhưng có nguy cơ tái nghiện cao.

2. Tái nghiện là tình trạng người nghiện ma túy sau khi đã thực hiện xong quy trình cai nghiện ma túy theo quy định nhưng vẫn tiếp tục sử dụng chất ma túy.

Điều 3. Thời gian, độ tuổi và thời hiệu thi hành quyết định quản lý sau cai nghiện

1. Thời gian quản lý sau cai nghiện đối với người chấp hành xong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc là từ một đến hai năm. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy cơ tái nghiện cao, người có thẩm quyền quyết định quản lý sau cai nghiện quy định tại khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 17 Nghị định này để quyết định thời gian quản lý sau cai nghiện đối với từng trường hợp cụ thể.

2. Không áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện đối với nữ trên 55 tuổi, nam trên 60 tuổi.

3. Thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện là một năm, kể từ ngày ký quyết định. Trường hợp người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện cố tình trốn tránh việc thi hành thì thời hiệu nói trên được tính lại kể từ thời điểm hành vi trốn tránh chấm dứt.

Điều 4. Kinh phí đảm bảo cho công tác quản lý sau cai nghiện

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý sau cai nghiện gồm:

- a) Ngân sách nhà nước theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước;
- b) Đóng góp của cá nhân hoặc gia đình người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện;
- c) Nguồn thu từ kết quả lao động sản xuất, dịch vụ của Trung tâm;
- d) Nguồn viện trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, về vay vốn và các chính sách ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN TẠI NƠI CƯ TRÚ

Điều 5. Đối tượng, thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú

1. Đối tượng bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú là người đã hoàn thành xong thời gian cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào cơ sở chữa bệnh, quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

Điều 6. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú

1. Trước khi kết thúc thời gian cai nghiện bắt buộc bốn mươi lăm ngày, Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

2. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Hồ sơ của đối tượng cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội (bản sao);

b) Bản nhận xét, đánh giá của Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội về quá trình học tập, rèn luyện tại Trung tâm của người cai nghiện ma túy;

d) Các tài liệu chứng minh đối tượng thuộc diện quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú;

c) Văn bản đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện của Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

Điều 7. Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú

1. Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho Trưởng Phòng Lao động - Thương binh Xã hội cấp huyện nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội chậm nhất là hai mươi ngày trước khi người đó kết thúc thời gian cai nghiện bắt buộc.

2. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và xã hội có trách nhiệm thẩm tra và làm văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Trưởng Phòng Lao động - Thương binh Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú và thông báo danh sách đối tượng thuộc diện quản lý sau cai nghiện cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nghiện cư trú để có kế hoạch tiếp nhận và thực hiện việc quản lý sau cai nghiện.

4. Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú phải ghi rõ ngày, tháng, năm ký quyết định; họ, tên, chức vụ của người ký quyết định; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nghề nghiệp, nơi cư trú của người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện; thời hạn và nơi thi hành quyết định, cơ quan có trách nhiệm thi hành quyết định.

5. Quyết định phải gửi cho người cai nghiện, gia đình người đó, Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội nơi đang quản lý người cai nghiện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

Điều 8. Bàn giao người, hồ sơ của người sau cai nghiện tại nơi cư trú

1. Sau khi có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội nơi quản lý người cai nghiện có trách nhiệm bàn giao người và hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú. Khi nhận bàn giao, Ủy ban nhân dân cấp xã phải kiểm tra hồ sơ và lập biên bản bàn giao. Biên bản bàn giao được lập thành ba bản, mỗi bên giữ một bản, một bản gửi cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi ra quyết định để phối hợp quản lý.

2. Hồ sơ bàn giao gồm:

a) Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú;

b) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

Điều 9. Nội dung quản lý sau cai nghiện và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan liên quan trong việc tổ chức quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú

1. Nội dung quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú:

a) Quản lý, hướng dẫn, giúp đỡ người sau cai nghiện phòng, chống tái nghiện; tư vấn cho họ để thay đổi hành vi, nhân cách;

b) Hỗ trợ học nghề, tìm việc làm và tạo điều kiện để người sau cai nghiện tham gia các hoạt động xã hội, hoà nhập cộng đồng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quản lý sau cai nghiện; lập Sổ theo dõi, đánh giá quá trình sau cai nghiện; phân công tổ chức, người giúp đỡ, hướng dẫn người sau cai nghiện cách ly môi trường ma túy, phòng, chống tái nghiện; định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra, xét nghiệm các chất ma túy đối với người sau cai nghiện;

b) Tổ chức các Đội hoạt động xã hội tình nguyện; huy động cộng đồng dân cư tham gia quản lý, giúp đỡ người sau cai nghiện; đồng viên, khuyến khích người sau cai nghiện tham gia các hoạt động xã hội;

c) Tuyên truyền, quản lý, tổ chức chăm sóc, tư vấn, điều trị, hỗ trợ cho người sau cai nghiện nhiễm HIV/AIDS;

d) Hàng tháng, tổ chức họp kiểm điểm, nhận xét quá trình phấn đấu, rèn luyện của người sau cai nghiện.

3. Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Công an cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ được giao, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

Điều 10. Hỗ trợ tạo việc làm cho người sau cai nghiện tại nơi cư trú

1. Gia đình người sau cai nghiện, các tổ chức, cá nhân có điều kiện về vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh có thể hợp tác liên kết để thành lập các cơ sở sản xuất giúp đỡ, tạo điều kiện cho người sau cai nghiện có công ăn việc làm, thu nhập ổn định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi về sản xuất, kinh doanh đối với cơ sở sản xuất thuộc các tổ chức, cá nhân có tiếp nhận, giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện.

3. Cơ sở sản xuất phải thực hiện các cam kết trong hợp đồng lao động đối với lao động là người sau cai nghiện; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý người sau cai nghiện.

Điều 11. Trách nhiệm của gia đình người sau cai nghiện

1. Quản lý, giám sát chặt chẽ và hỗ trợ tạo việc làm cho người sau cai nghiện.

2. Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý người sau cai nghiện.

3. Tạo điều kiện cho người sau cai nghiện tham gia các hoạt động cộng đồng do Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội nơi người đó cư trú tổ chức.

Điều 12. Quyền, trách nhiệm và chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện tại nơi cư trú

1. Người sau cai nghiện tại nơi cư trú có các quyền sau:

a) Được lao động, học tập và tham gia các hoạt động xã hội của cộng đồng tại nơi cư trú;

b) Được đề đạt nguyện vọng, kiến nghị của mình với với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Được thực hiện các quyền công dân khác theo quy định của pháp luật.

2. Người sau cai nghiện có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch rèn luyện sau cai nghiện theo hướng dẫn của cá nhân, tổ chức được phân công giúp đỡ; cam kết thực hiện các quy định về quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú và nghiêm túc thực hiện cam kết đó;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, quy ước của thôn, làng, ấp, bản, đơn vị dân cư nơi cư trú;

c) Hàng tháng phải báo cáo với tổ chức được giao quản lý, giúp đỡ về tình hình rèn luyện, phấn đấu và kết quả tiến bộ của mình.

3. Chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện:

a) Người sau cai nghiện tại nơi cư trú được hỗ trợ về tâm lý, xã hội trong thời gian quản lý sau cai và tái hòa nhập cộng đồng;

b) Người sau cai nghiện được xem xét hỗ trợ học nghề, hỗ trợ tìm việc làm theo khả năng, điều kiện cụ thể của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 13. Những quy định về đi lại, thay đổi nơi cư trú đối với người sau cai nghiện

1. Trong thời gian chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú, người sau cai nghiện có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng, nhưng mỗi lần vắng mặt không được quá ba mươi ngày và tổng số thời gian vắng mặt không được vượt quá một phần ba thời gian áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện như sau:

a) Trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú đến mười ngày thì phải báo cáo tổ chức, người giúp đỡ hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã biết;

b) Trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú từ trên mười ngày đến ba mươi ngày, thì phải làm đơn xin phép ghi rõ lý do, thời gian và nơi đến kèm theo ý kiến của tổ chức, người được phân công giúp đỡ trực tiếp và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trưởng Công an cấp xã nơi cư trú đồng ý.

2. Người sau cai nghiện có trách nhiệm báo cáo Công an cấp xã nơi mình đến lưu trú biết. Khi hết thời hạn cho phép lưu trú, phải có xác nhận của Trưởng Công an cấp xã nơi lưu trú về thời hạn lưu trú và việc chấp hành pháp luật tại nơi đến lưu trú.

3. Thời gian người sau cai nghiện vắng mặt tại nơi cư trú được tính vào thời hạn chấp hành quyết định, nếu người đó không vi phạm pháp luật tại địa phương nơi đến lưu trú; nếu có vi phạm hoặc vắng mặt mà không báo cáo hoặc không được sự đồng ý của Trưởng Công an cấp xã thì thời gian vắng mặt không được tính vào thời hạn quản lý sau cai nghiện.

4. Trường hợp vì các lý do chính đáng như thay đổi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, đi học, có việc làm ổn định hoặc các lý do chính đáng khác thì người sau cai nghiện phải làm đơn đề nghị và có ý kiến của tổ chức, người được giao quản lý, giúp đỡ. Căn cứ vào đơn đề nghị và các ý kiến xác nhận đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sau cai nghiện cư trú xem xét, giải quyết.

Nếu người sau cai nghiện thay đổi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đang cư trú làm văn bản đề nghị và gửi toàn bộ hồ sơ của người sau cai nghiện cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó sẽ đến cư trú để tiếp tục quản lý, hỗ trợ sau cai nghiện.

Điều 14. Giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú

1. Người sau cai nghiện đã chấp hành được hai phần ba thời gian theo quyết định quản lý sau cai nghiện, nếu lập công hoặc có tiến bộ rõ rệt thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giảm một phần hoặc miễn chấp hành thời gian còn lại.

2. Trường hợp người đang chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện bị ốm nặng thì được tạm đình chỉ chấp hành quyết định để điều trị; thời gian điều trị không được tính vào thời hạn chấp hành quyết định.

Đối với phụ nữ có thai thì được tạm đình chỉ thi hành quyết định cho đến khi con đủ ba mươi sáu tháng tuổi. Nếu trong thời gian tạm đình chỉ mà người đó có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú xác nhận thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Đối với người mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện cấp huyện trở lên thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

3. Trình tự, thủ tục xem xét việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách các trường hợp giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn việc chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện quy định tại khoản 1, 2 Điều này và làm văn bản gửi Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện;

b) Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện phải thẩm tra, làm văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Trong thời hạn hai ngày, kể từ ngày nhận văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xem xét, quyết định việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn việc chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện.

Điều 15. Hết thời hạn quản lý sau cai nghiện

1. Khi hết thời hạn quản lý sau cai nghiện, người sau cai nghiện phải làm bản kiểm điểm về quá trình học tập, rèn luyện của bản thân trong toàn bộ thời gian bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện.

2. Trên cơ sở bản kiểm điểm của người sau cai nghiện và xác nhận của cá nhân, tổ chức được phân công giúp đỡ quản lý sau cai nghiện, Ủy ban nhân dân cấp xã nhận xét, đánh giá và cấp "Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú".

Điều 16. Chế độ, chính sách hỗ trợ người trực tiếp tham gia công tác quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú

1. Người trực tiếp tham gia công tác quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định.

2. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính quy định cụ thể về chế độ phụ cấp, mức hỗ trợ cho người trực tiếp tham gia công tác quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú.

Chương III

QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN TẠI TRUNG TÂM

Mục 1

THỦ TỤC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN TẠI TRUNG TÂM

Điều 17. Đối tượng, thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm

1. Đối tượng bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm là người đã hoàn thành xong thời gian cai nghiện ma túy tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, có nguy cơ tái nghiện cao thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có thời gian nghiện ma túy từ năm năm trở lên hoặc sử dụng ma túy với hình thức tiêm chích từ hai năm trở lên (xác định theo hồ sơ áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội);

b) Đã cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội từ ba lần trở lên;

c) Trong thời gian sáu tháng, đối tượng có hành vi vi phạm nội quy, quy chế của Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội bị thi hành kỷ luật với hình thức cảnh cáo từ ba lần trở lên hoặc với hình thức cách ly tại phòng kỷ luật từ 2 lần trở lên;

d) Không có nghề nghiệp; có nghề nghiệp nhưng không có việc làm ổn định trước khi vào cơ sở cai nghiện ma túy; không có nơi cư trú nhất định.

2. Không áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm đối với người đã hoàn thành thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc, có nguy cơ tái nghiện cao theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng không đủ sức khỏe để học nghề, lao động sản xuất hoặc bị bệnh AIDS giai đoạn cuối; người thuộc điểm a khoản 1 Điều này nhưng trong thời gian cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm có ý thức chấp hành kỷ luật, học tập, rèn luyện tốt.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm.

Điều 18. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm

1. Trước khi kết thúc thời gian cai nghiện bắt buộc bốn mươi lăm ngày, Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội có trách nhiệm lập hồ sơ, tổ chức Hội đồng xét duyệt người có nguy cơ tái nghiện cao quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm.

2. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Hồ sơ của người cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội (bản sao);

b) Bản kiểm điểm quá trình học tập, rèn luyện trong thời gian ở Trung tâm của người cai nghiện, có nhận xét đánh giá của Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội;

c) Biên bản của Hội đồng xét duyệt người có nguy cơ tái nghiện cao tại Trung tâm; các tài liệu chứng minh đối tượng thuộc diện quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm;

d) Văn bản đề nghị của Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội gửi Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

Điều 19. Trách nhiệm và thời hạn thẩm tra hồ sơ

Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định này, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 20. Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm

1. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm.

2. Quyết định phải ghi rõ ngày, tháng, năm ký quyết định; họ, tên, chức vụ của người ký quyết định; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nghề nghiệp, nơi cư trú của người sau cai nghiện; thời hạn và nơi thi hành quyết định, cơ quan có trách nhiệm thi hành quyết định.

3. Quyết định được gửi cho người sau cai nghiện, gia đình người đó, Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội đang quản lý người sau cai nghiện, Trung tâm quản lý sau cai nghiện, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 21. Thi hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm

1. Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm có hiệu lực thi hành, Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội có trách nhiệm tổ chức bàn giao người sau cai nghiện cho Giám đốc Trung tâm quản lý sau cai nghiện.

2. Người phải chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm nếu không tự nguyện chấp hành trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này thì bị cưỡng chế thi hành.

Điều 22. Thủ tục bàn giao người sau cai nghiện vào Trung tâm

1. Khi nhận bàn giao người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy, Trung tâm phải kiểm tra hồ sơ và lập biên bản bàn giao. Biên bản bàn giao được lập thành ba bản, mỗi bên giữ một bản, một bản gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Trung tâm.

2. Hồ sơ bàn giao gồm:

a) Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm;

b) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định này.

3. Trường hợp Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội đồng thời là Trung tâm quản lý sau cai nghiện thì Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội phải tiến hành phân loại và lưu hồ sơ để quản lý riêng đồng thời báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 23. Hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm

1. Người sau cai nghiện được hoãn thi hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

a) Đang ốm nặng có chứng nhận của cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên;

b) Gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận;

c) Phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới ba mươi sáu tháng tuổi.

2. Người sau cai nghiện được miễn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

a) Đang mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên;

b) Bệnh nhân AIDS giai đoạn cuối.

3. Trình tự, thủ tục xem xét việc hoãn, miễn chấp hành biện pháp quản lý sau cai nghiện:

a) Người sau cai nghiện thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này làm đơn gửi Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội hoặc Giám đốc Trung tâm quản lý sau cai nghiện;

Đối với người đã có quyết định nhưng chưa chuyển sang Trung tâm quản lý sau cai nghiện thì Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tiếp nhận đơn đề nghị hoãn, miễn; đối với người đang chấp hành quyết định tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện thì Giám đốc Trung tâm quản lý sau cai nghiện tiếp nhận đơn đề nghị hoãn, miễn.

b) Trong thời hạn hai ngày, kể từ ngày nhận đơn, Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, Giám đốc Trung tâm quản lý sau cai nghiện làm văn bản gửi Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội;

c) Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận văn bản của Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, Giám đốc Trung tâm quản lý sau cai nghiện, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phải thẩm tra, làm văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Trong thời hạn hai ngày, kể từ ngày nhận văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xem xét, quyết định việc hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm.

4. Khi hết thời hạn hoãn thi hành quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thì quyết định được tiếp tục thi hành. Trường hợp người sau cai nghiện không tự nguyện chấp hành thì bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại Trung tâm

1. Người sau cai nghiện đã chấp hành được hai phần ba thời hạn theo quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện, nếu lập công hoặc có tiến bộ rõ rệt thì Giám đốc Trung tâm xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giảm một phần hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

2. Trường hợp người đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm bị ốm nặng thì được tạm đình chỉ chấp hành quyết định, chuyển về gia đình điều trị; thời gian điều trị không được tính vào thời hạn chấp hành quyết định.

3. Đối với phụ nữ có thai thì được tạm đình chỉ thi hành quyết định cho đến khi con đủ ba mươi sáu tháng tuổi. Trong thời gian tạm đình chỉ mà người đó có thành tích xuất sắc trong quá trình học tập, rèn luyện, lao động được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú xác nhận thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

4. Trình tự, thủ tục xem xét việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm:

a) Giám đốc Trung tâm quản lý sau cai nghiện lập danh sách các trường hợp giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn việc chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này và làm văn bản gửi Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội;

b) Trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận văn bản của Giám đốc Trung tâm quản lý sau cai nghiện, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện phải thẩm tra, làm văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Trong thời hạn hai ngày, kể từ ngày nhận văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xem xét, quyết định việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn việc chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện.

Điều 25. Hết thời hạn chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm

1. Trong thời gian ba mươi ngày, trước khi người sau cai nghiện hết thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm, Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm thông báo cho người đó biết.

2. Khi hết hạn chấp hành quyết định, Giám đốc Trung tâm cấp "Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm" cho người đó và gửi bản sao Giấy chứng nhận đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và gia đình người đó để giúp đỡ khi tái hoà nhập cộng đồng.

3. Đối với những tỉnh có khu định cư và làm việc cho người sau cai nghiện, khi hết thời hạn chấp hành quyết định, nếu người sau cai nghiện có nguyện vọng ở lại sinh sống, làm việc tại khu vực này thì làm đơn gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trong thời hạn mười ngày, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xem xét, giải quyết.

Mục 2

CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, HỌC TẬP, LAO ĐỘNG VÀ KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI SAU CAI NGHIỆN TẠI TRUNG TÂM

Điều 26. Chế độ quản lý

1. Người sau cai nghiện được đem theo đồ dùng sinh hoạt cá nhân thiết yếu; được gặp thân nhân, được gửi thư hoặc liên lạc với gia đình; được nhận tiền, chăn màn, quần áo, thuốc chữa bệnh, đồ ăn và các đồ dùng sinh hoạt cá nhân thiết yếu khác do thân nhân gửi tới theo quy định của Trung tâm; được tham gia các hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí và các sinh hoạt tập thể khác do Trung tâm tổ chức.

2. Trong thời gian ở Trung tâm, người sau cai nghiện phải thực hiện các quy định, quy chế của Trung tâm về quản lý, giáo dục, học tập, sinh hoạt, lao động và rèn luyện theo quy định; phải tham gia lao động sản xuất để tự túc tiền ăn và chi phí sinh hoạt.

Điều 27. Chế độ học nghề

Người sau cai nghiện được học nghề, nâng cao tay nghề trên cơ sở điều kiện và khả năng tổ chức của Trung tâm.

Điều 28. Chế độ lao động và hưởng thành quả lao động

1. Người sau cai nghiện phải chấp hành chế độ, thời gian làm việc theo quy định của Trung tâm và được trang bị bảo hộ lao động, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.

2. Người sau cai nghiện được hưởng tiền công lao động theo định mức lao động và kết quả công việc hoàn thành hoặc theo Hợp đồng lao động. Tiền công lao động được chi dùng cho đời sống và sinh hoạt, số tiền còn lại được gửi tiết kiệm. Khi chấp hành xong quyết định thì được nhận lại số tiền đã gửi tiết kiệm và lãi suất tiết kiệm tương ứng.

3. Trong trường hợp người sau cai nghiện bị tai nạn lao động thì Trung tâm phải tổ chức cứu chữa kịp thời và làm các thủ tục cần thiết để giải quyết chế độ trợ cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Chế độ đóng góp, trợ cấp, Bảo hiểm y tế

1. Người sau cai nghiện tại Trung tâm phải đóng góp tiền ăn, tiền khám, chữa bệnh và các chi phí quản lý khác theo quy định. Đối với người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người bị bệnh AIDS giai đoạn cuối, người không có nơi cư trú nhất định được xem xét, miễn giảm các khoản đóng góp.

2. Người sau cai nghiện tại Trung tâm được Nhà nước hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền thuốc chữa bệnh, tiền học nghề, mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết và các khoản chi phí khác trong thời gian chấp hành quyết định.

3. Người sau cai nghiện tại Trung tâm được tham gia bảo hiểm y tế theo các quy định hiện hành về chế độ bảo hiểm y tế.

Điều 30. Chế độ giải quyết về nghỉ chịu tang

Trường hợp bố, mẹ, ông, bà (cả bên vợ và bên chồng), vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của người sau cai nghiện bị chết, có đơn đề nghị của gia đình và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận, Giám đốc Trung tâm xem xét cho người đó về nhà chịu tang trong thời gian không quá ba ngày (không tính thời gian đi đường). Gia đình có trách nhiệm đón và đưa người đó trở lại Trung tâm. Thời gian này được tính vào thời hạn chấp hành quyết định.

Điều 31. Chế độ khen thưởng, kỷ luật

1. Trong thời gian chấp hành quyết định đưa vào quản lý sau cai nghiện, người sau cai nghiện có tiên bộ hoặc có thành tích xuất sắc thì được khen thưởng với các hình thức sau:

- a) Biểu dương;
- b) Đề nghị giảm hoặc miễn thời gian chấp hành quyết định;
- c) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Giám đốc Trung tâm quyết định kỷ luật đối với người sau cai nghiện đang quản lý tại Trung tâm vì phạm nội quy, quy chế của Trung tâm bằng các hình thức sau:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Giáo dục tại phòng kỷ luật;
- d) Các hình thức kỷ luật khác theo quy định của pháp luật.

Giám đốc Trung tâm quyết định kỷ luật bằng hình thức giáo dục tại phòng kỷ luật tối đa là bảy ngày cho một lần quyết định. Đối tượng bị đưa vào phòng kỷ luật phải làm bản kiểm điểm và tự kiểm điểm trước toàn đơn vị trực tiếp quản lý đối tượng.

3. Các quyết định khen thưởng và kỷ luật phải bằng văn bản và lưu vào hồ sơ của người sau cai nghiện.

4. Trường hợp đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, chuyển sang cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Giải quyết trường hợp người sau cai nghiện bị ốm nặng, mắc bệnh hiểm nghèo, bị chết

1. Người sau cai nghiện bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo vượt quá khả năng điều trị của Trung tâm thì được chuyển tới cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước hoặc đưa về gia đình để chữa trị, chăm sóc. Chi phí khám bệnh, chữa bệnh do Trung tâm chi trả và yêu cầu bản thân người sau cai nghiện hoặc gia đình họ bồi hoàn lại. Trường hợp các đối tượng có thể Bảo hiểm y tế còn thời hạn sử dụng, chi phí khám, chữa bệnh sẽ do Quỹ Bảo hiểm xã hội thanh toán theo quy định hiện hành. Đối với những người thuộc diện

nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách không có thẻ Bảo hiểm y tế, có đơn đề nghị thì được Trung tâm xét trợ cấp một phần hoặc toàn bộ chi phí khám, chữa bệnh. Đối với người chưa thành niên được trợ cấp 100% chi phí khám, chữa bệnh.

Trung tâm có trách nhiệm quản lý người sau cai nghiện trong quá trình chăm sóc, điều trị tại cơ sở khám, chữa bệnh.

2. Trường hợp người sau cai nghiện bị chết trong thời gian đang chấp hành quyết định thì Giám đốc Trung tâm phải báo ngay cho Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, cơ quan Y tế nơi Trung tâm đóng trụ sở để xác định nguyên nhân chết, đồng thời thông báo cho thân nhân người chết biết để làm thủ tục mai táng.

Trong trường hợp người chết không có thân nhân hoặc thân nhân không đến kịp, Trung tâm có trách nhiệm tổ chức mai táng trong vòng 24 giờ. Trung tâm thanh toán chi phí giám định pháp y, chi phí mai táng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 33. Trách nhiệm của gia đình người sau cai nghiện

1. Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm trong việc quản lý, hỗ trợ người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện.

2. Quản lý, giám sát, ngăn chặn người sau cai nghiện sử dụng ma túy hoặc có hành vi gây mất trật tự, an toàn xã hội khi trở về cộng đồng.

Điều 34. Trách nhiệm và quyền lợi của người sau cai nghiện

1. Trong thời gian chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm, người sau cai nghiện có trách nhiệm:

a) Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật, nội quy, quy chế của Trung tâm;

b) Tích cực tham gia lao động sản xuất, hoàn thành định mức lao động, khối lượng, chất lượng công việc được giao;

c) Tích cực rèn luyện, học tập, thi đua lao động, tham gia các phong trào văn hóa, thể thao và các hoạt động xã hội của Trung tâm;

d) Tích cực tham gia công tác tuyên truyền, vận động bài trừ tệ nạn ma túy và các tệ nạn xã hội khác, phản ánh, tố cáo với người có trách nhiệm để kịp thời ngăn chặn mọi biểu hiện và hành vi tiêu cực, nhất là các hành vi sử dụng, mua bán, tàng trữ ma túy tại Trung tâm nhằm góp phần xây dựng môi trường sinh hoạt lành mạnh;

đ) Khi hết thời hạn chấp hành quyết định đưa vào Trung tâm, phải trả lại những vật dụng, trang thiết bị lao động và bảo hộ lao động đã mượn, trường hợp làm mất hoặc hư hỏng thì phải bồi thường; thanh toán các khoản còn vay hoặc nợ cá nhân, tập thể tại Trung tâm;

e) Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định, phải trình báo Ủy ban nhân dân cấp xã và Công an cùng cấp nơi cư trú.

2. Trong thời gian chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm, người sau cai nghiện được hưởng các quyền lợi sau:

a) Khi tham gia lao động sản xuất tại các doanh nghiệp ngoài Trung tâm, người sau cai nghiện được ký kết hợp đồng lao động, được hưởng các chế độ, chính sách về tiền lương, tiền thưởng, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi và các chế độ bảo hiểm theo quy định của Bộ luật Lao động;

b) Được bố trí chỗ ở phù hợp, đảm bảo các tiện nghi cần thiết; đăng ký tạm trú tại địa phương nơi làm việc; học tập, đào tạo nghề nghiệp theo nguyện vọng và phù hợp với nhu cầu của người sử dụng lao động;

c) Được tham gia sinh hoạt trong các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp theo qui định; tiếp thân nhân tại khu vực dành riêng ngoài giờ lao động, sinh hoạt và học tập theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và quy định cụ thể của đơn vị quản lý;

d) Được khen thưởng khi có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, trong học tập, rèn luyện, tham gia giữ gìn an ninh trật tự, bảo đảm an toàn của đơn vị và địa phương;

đ) Khi hết thời hạn chấp hành quyết định đưa vào Trung tâm, người sau cai nghiện được cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định đưa vào Trung tâm; được cấp chứng chỉ, bằng cấp học văn hóa, học nghề (theo trình độ đạt được); được nhận lại tiền tiết kiệm và lãi suất tương ứng (nếu có). Trường hợp khó khăn được trợ cấp tiền ăn đường, tiền tàu xe để trở về nơi cư trú.

Mục 3

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM

Điều 35. Thẩm quyền thành lập Trung tâm

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể ở địa phương và số đối tượng cần quản lý sau cai nghiện quyết định thành lập, giải thể Trung tâm. Trình tự, thủ tục thành lập Trung tâm được thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước.

2. Đối với những tỉnh không thành lập Trung tâm riêng biệt thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ quản lý sau cai nghiện cho Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội. Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội phải bố trí khu vực riêng để quản lý người sau cai nghiện.

Điều 36. Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế, chính sách cán bộ và cơ chế tài chính của Trung tâm

1. Tổ chức, bộ máy của Trung tâm gồm: Giám đốc, không quá ba Phó giám đốc và các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, Phó giám đốc; quyết định biên chế và tổ chức bộ máy của Trung tâm thực hiện theo quy định hiện hành về phân cấp quản lý.

2. Trung tâm được thành lập theo địa bàn cấp tỉnh, trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Quy mô quản lý mỗi Trung tâm phải từ 200 đối tượng trở lên.

3. Cán bộ công tác tại Trung tâm được hưởng chế độ phụ cấp theo quy định tại Nghị định số 114/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đối với cán bộ, viên chức làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy.

4. Cơ chế tài chính của Trung tâm thực hiện theo quy định hiện hành về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 37. Nội dung quản lý sau cai nghiện và trách nhiệm của Trung tâm

1. Nội dung quản lý sau cai nghiện:

a) Quản lý, tư vấn, giúp đỡ người sau cai nghiện ổn định tâm lý, sức khỏe, phòng, chống tái nghiện;

b) Tổ chức dạy văn hóa, dạy nghề; tổ chức lao động sản xuất và hỗ trợ người sau cai nghiện chuẩn bị các điều kiện tái hòa nhập cộng đồng.

2. Trách nhiệm của Trung tâm:

a) Tiếp nhận, tổ chức học tập, giáo dục, dạy nghề, tạo việc làm, hướng nghiệp cho người sau cai nghiện; liên doanh, liên kết hoặc phối hợp với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp để tổ chức lao động sản xuất, giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện. Bảo đảm các điều kiện ăn, ở, sinh hoạt vui chơi, giải trí cho người sau cai nghiện theo quy định;

b) Tổ chức tuyên truyền, quản lý, chăm sóc, tư vấn, điều trị, hỗ trợ người sau cai nghiện; thông tin, giáo dục truyền thông và triển khai các biện pháp dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS; theo dõi, đánh giá quá trình học tập, rèn luyện phục hồi hành vi nhân cách đối với người sau cai nghiện; định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra, xét nghiệm các chất ma túy đối với người sau cai nghiện;

c) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức và nhân viên của Trung tâm theo quy định;

d) Quản lý, sử dụng cơ sở vật chất và các nguồn kinh phí theo quy định;

đ) Phối hợp với chính quyền địa phương để giữ gìn an ninh trật tự, an toàn tại Trung tâm;

e) Tổ chức bảo vệ môi trường tại Trung tâm; lồng ghép bảo vệ môi trường với các chương trình, kế hoạch khác của Trung tâm.

Điều 38. Các phương thức giải quyết việc làm và trách nhiệm của các cơ sở giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện:

1. Người sau cai nghiện được sắp xếp, giải quyết việc làm theo một trong những phương thức sau:

a) Tổ chức các khu sản xuất tại Trung tâm để vận động các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế đến đầu tư tổ chức sản xuất nhằm giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện;

b) Tổ chức các khu vực sản xuất tập trung phù hợp với các loại hình sản xuất kinh doanh quy mô vừa và nhỏ nhằm giải quyết việc làm ổn định, tái định cư lâu dài cho người sau cai nghiện;

c) Bố trí làm việc tại các hợp tác xã, các cơ sở sản xuất do gia đình người sau cai nghiện hoặc các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế đầu tư.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương và theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổ chức các cơ sở giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện phù hợp.

3. Cơ sở giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện theo quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch, chương trình quản lý, giáo dục, tổ chức lao động sản xuất và đào tạo, bồi dưỡng nghề nghiệp, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phù hợp với điều kiện hoạt động của đơn vị nhằm cải thiện đời sống tinh thần, nâng cao hiệu quả sản xuất;

b) Ban hành nội quy quản lý tại đơn vị;

c) Thực hiện đúng các quy định về tổ chức quản lý, tổ chức lao động sản xuất theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và các quy định của Nhà nước. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của người sau cai nghiện;

d) Thường xuyên kiểm tra, theo dõi và đánh giá về mức độ rèn luyện, phấn đấu của người sau cai nghiện. Định kỳ hàng tháng, quý, năm phải báo cáo tình hình quản lý người sau cai nghiện tại cơ sở với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

đ) Đăng ký cho người sau cai nghiện được tạm trú có thời hạn tại địa phương nơi trú đóng; phối hợp với các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trú đóng để thực hiện tốt công tác giữ gìn an ninh trật tự xã hội, an toàn đơn vị, phòng, chống ma túy các chất gây nghiện thấm lậu vào cơ sở.

Điều 39. Phân khu trong Trung tâm

1. Trung tâm tổ chức khu vực dành riêng cho phụ nữ. Phòng Y tế của Trung tâm phải bố trí khu vực cách ly đối với người mắc một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Trung tâm phải có nơi tiếp nhận đối tượng, nơi khám, chữa bệnh, học văn hoá, dạy nghề, lao động sản xuất, nơi ăn, ở, sinh hoạt văn hoá, thể thao đảm bảo vệ sinh, an toàn cho người sau cai nghiện.

3. Trung tâm có phòng kỷ luật để giáo dục những đối tượng có hành vi chống đối người thi hành công vụ và các hành vi vi phạm nội quy, quy chế của Trung tâm.

Điều 40. Phối hợp, hỗ trợ trong việc bảo đảm an ninh trật tự và hoạt động tại Trung tâm

Khi có tình hình phức tạp về an ninh trật tự, bệnh dịch thì Giám đốc Trung tâm đề nghị cơ quan Công an, cơ quan Y tế sở tại cử cán bộ, chiến sĩ, nhân viên tăng cường, hỗ trợ.

Điều 41. Trang bị, sử dụng công cụ hỗ trợ

Cán bộ bảo vệ Trung tâm được trang bị, sử dụng công cụ hỗ trợ. Việc trang bị, sử dụng công cụ hỗ trợ phải theo đúng quy định tại Nghị định số 47/CP ngày 12 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Điều 42. Truy tìm và bắt giữ người sau cai nghiện bỏ trốn

1. Người đang chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm mà bỏ trốn thì Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm ra quyết định truy tìm và tổ chức việc truy tìm người bỏ trốn đưa về Trung tâm.

2. Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức phát hiện người sau cai nghiện bỏ trốn có trách nhiệm thông báo cho Trung tâm, Cơ quan công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi gần nhất. Cơ quan công an hoặc Ủy ban nhân dân nhận được thông tin phải phối hợp với Trung tâm tổ chức truy bắt và đưa người bỏ trốn trở lại Trung tâm.

Điều 43. Thẩm quyền của Giám đốc Trung tâm trong việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế

1. Giám đốc Trung tâm được quyết định áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với người sau cai nghiện đang quản lý tại Trung tâm trong các trường hợp sau:

a) Không chấp hành các nội quy, quy chế về giáo dục, học tập, lao động, rèn luyện của Trung tâm;

b) Có hành vi làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội; chống lại người thi hành công vụ;

c) Xâm hại sức khỏe, tài sản và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác hoặc xâm hại tài sản, cơ sở vật chất của Trung tâm.

2. Các biện pháp cưỡng chế được áp dụng để ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật bao gồm sử dụng công cụ hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 47/CP ngày 12 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và các biện pháp ngăn chặn khác theo quy định của Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Chương IV TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 44. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Thực hiện quản lý nhà nước về công tác quản lý sau cai nghiện.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng, ban hành các chế độ, chính sách về công tác quản lý sau cai nghiện; quy chế quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện tại nơi cư

trú và tại Trung tâm; ban hành các tiêu chuẩn, định mức kinh tế, kỹ thuật của Trung tâm quản lý sau cai nghiện; quy định các chức danh, tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo và cán bộ, nhân viên quản lý Trung tâm.

3. Tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác quản lý sau cai nghiện và giải quyết các vấn đề xã hội sau cai nghiện.

4. Định kỳ kiểm tra, thanh tra, giám sát và tổng hợp, báo cáo việc triển khai thực hiện công tác quản lý sau cai nghiện ma tuý.

Điều 45. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chỉ đạo cơ quan Công an các cấp phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể xã hội có liên quan giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc quản lý, giám sát và giúp đỡ người sau cai nghiện tái hoà nhập cộng đồng.

2. Chỉ đạo cơ quan công an các cấp hỗ trợ Trung tâm trong việc đảm bảo an ninh trật tự; truy tìm và đưa người bỏ trốn trở lại Trung tâm.

Điều 46. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc đảm bảo an toàn thực phẩm và phòng, chống các bệnh truyền nhiễm, các bệnh xã hội tại Trung tâm.

2. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định cụ thể về tiêu chuẩn của cơ sở y tế thuộc Trung tâm.

Điều 47. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định cụ thể mức hỗ trợ học nghề, hỗ trợ tìm việc làm đối với người sau cai nghiện tại nơi cư trú; hướng dẫn các khoản đóng góp, chế độ miễn, giảm các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền thuốc chữa bệnh, tiền học nghề, mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết và các khoản chi phí khác cho người sau cai nghiện.

2. Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc hướng dẫn về tổ chức bộ máy, hoạt động của các cơ sở quản lý sau cai nghiện; quy định các chức danh, tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo và quản lý Trung tâm; xây dựng chế độ, chính sách đối với cán bộ làm công tác quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú và tại các Trung tâm.

Điều 48. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện công tác quản lý sau cai nghiện;

b) Xây dựng các quy chế để tổ chức thực hiện việc quản lý, dạy nghề và tạo việc làm cho người sau cai nghiện tại nơi cư trú và tại các Trung tâm;

c) Lập chương trình, kế hoạch tái hoà nhập cộng đồng và quản lý, giúp đỡ người sau cai nghiện tìm kiếm việc làm, ổn định cuộc sống và phòng, chống tái nghiện.

2. Thành lập, tổ chức hoạt động và quản lý Trung tâm quản lý sau cai nghiện theo quy định tại mục 3 Chương III Nghị định này.

3. Xây dựng, tổ chức đào tạo cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý sau cai nghiện.

4. Hàng năm bố trí ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện công tác quản lý sau cai nghiện theo quy định tại Nghị định này.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 49. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2009. Bãi bỏ Nghị định số 146/2004/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định thủ tục, thẩm quyền quyết định đưa vào cơ sở quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm đối với người sau cai nghiện ma tuý.

Điều 50. Hướng dẫn thi hành

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

Điều 51. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b).A. 290